

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO TRẺ KHUYẾT TẬT Ở TRƯỜNG MẦM NON TỈNH QUẢNG TRỊ

TRẦN THỊ THANH HUƠNG^{1,*}, NGUYỄN VĂN BẮC^{2,**}

¹Trường Mầm non Hướng Dương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế,

*Email: huongtran.dh@gmail.com

**Email: nguyenvanbac@hueuni.edu.vn

Tóm tắt: Trẻ khuyết tật cần được chăm sóc một cách đặc biệt, được hưởng mọi quyền lợi như những trẻ bình thường, được học với môi trường bình thường, được hòa nhập vui chơi như bao trẻ bình thường khác. Để nâng cao hiệu quả giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở các trường mầm non tỉnh Quảng Trị. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tuy đã đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng ở một số trường mầm non hoạt động này còn hạn chế ở một số mặt như quản lý nội dung, quản lý chương trình kế hoạch, quản lý việc tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá...

Từ khóa: Biện pháp quản lý; Trẻ khuyết tật; Giáo dục hòa nhập; Trường mầm non; Tỉnh Quảng Trị.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Luật Người khuyết tật (2010), trẻ khuyết tật là những trẻ có khiếm khuyết về cấu trúc, hoặc các chức năng cơ thể hoạt động không bình thường dẫn đến gặp khó khăn nhất định trong hoạt động cá nhân, tập thể, xã hội và không thể học tập theo các chương trình giáo dục mầm non và phổ thông nếu không được hỗ trợ đặc biệt về phương pháp giáo dục - dạy học và những trang thiết bị trợ giúp cần thiết [4]. Ở Việt Nam, trong tổng số 32 triệu trẻ, trẻ khuyết tật chiếm khoảng 1,1 triệu em, chiếm 3,4 % so với trẻ trong cùng độ tuổi. Hiện nay mới chỉ có khoảng hơn 450 nghìn em, chiếm 41% trong số trẻ khuyết tật được đi học ở loại hình trường lớp. Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020 đề ra mục tiêu đến 2020 có 70% trẻ khuyết tật được đi học [1]. Ở tỉnh Quảng Trị, số trẻ khuyết tật mầm non ngoài xã hội là 184 em, số trẻ khuyết tật ở trường mầm non học hòa nhập là 111 em. Trong những năm qua ngành giáo dục và đào tạo đã tổ chức giáo dục trẻ khuyết tật theo nhiều hình thức khác nhau và đã bước đầu huy động được trẻ khuyết tật ra lớp, đã được sự đồng tình ủng hộ của toàn xã hội. Song những khó khăn trong quá trình tổ chức giáo dục trẻ khuyết tật tại tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua đó là về nhận thức đối với giáo dục trẻ khuyết tật của phụ huynh trẻ còn nhiều hạn chế; Các biện pháp tổ chức giáo dục trẻ khuyết tật chưa khoa học; cán bộ, giáo viên làm công tác giáo dục trẻ khuyết tật còn thiếu và yếu; Các kỹ năng và phương tiện hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật còn thiếu; Kinh phí tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khuyết tật còn hạn chế và nội dung chương trình giáo dục trẻ khuyết tật còn nhiều bất cập... Đây cũng là những vấn đề mà các cấp lãnh đạo chính quyền và ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Trị đang đặc biệt quan tâm.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của 55 cán bộ quản lý, chuyên viên của Sở, phòng giáo dục, các trường mầm non và 120 giáo viên mầm non của các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp nghiên cứu: Để đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cho trẻ ở các trường mầm non tỉnh Quảng Trị, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm đánh giá về các mặt như quản lý mục tiêu, nội dung, chương trình kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cho trẻ ở các trường mầm non. Bảng hỏi gồm hai bộ phiếu dành cho CBQL và GV. Kết quả khảo sát sử dụng toán thống kê để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn và tỉ lệ % của mỗi nội dung. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn nhằm làm rõ thêm thực trạng hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cho trẻ ở các trường mầm non tỉnh Quảng Trị

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Quản lý mục tiêu giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non

Bảng 1. *Thực trạng quản lý mục tiêu HĐ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường MN*

STT	Quản lý mục tiêu GD hòa nhập	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Tạo điều kiện cho trẻ phát triển toàn diện.	3,49	0,89	1	3,37	0,68	1
2	Giúp trẻ phục hồi chức năng	2,46	0,93	7	2,61	0,69	6
3	Giúp trẻ phát triển khả năng bản thân để hòa nhập cộng đồng	2,77	1,23	5	2,81	0,81	5
4	Giúp trẻ phát triển khả năng giao tiếp	2,69	1,20	6	2,57	1,06	7
5	Trẻ được tham gia tất cả, suốt các hoạt động vui chơi, học tập ở trường	3,10	1,24	3	2,97	1,02	4
6	Tránh hiện tượng trẻ khuyết tật bị bỏ lại phía sau	3,37	0,87	2	3,25	0,62	2
7	Giúp cho trẻ có thể phát huy hết khả năng còn lại của mình để học tập	2,89	1,48	4	2,61	0,69	6
8	Giúp cho trẻ khuyết tật có cơ hội và tạo điều kiện được đánh giá như trẻ em bình thường	3,37	0,87	2	3,10	0,71	3
9	Phát triển cảm xúc bản thân trẻ	2,47	0,83	7	2,81	0,81	5

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: độ lệch chuẩn; XH: xếp hạng

Kết quả điều tra cho thấy, đa số CBQL và GV đã nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác hoạch định các mục tiêu quản lý giáo dục hòa nhập (GDHN) trẻ khuyết tật ở trường mầm non. Nội dung “*Tạo điều kiện cho trẻ phát triển toàn diện*” có ĐTB ở mức thực hiện và hiệu quả thực hiện cao nhất, điều này cho thấy việc xây dựng mục tiêu giáo dục hòa nhập cho

trẻ khuyết tật là phù hợp với thực tế và mang lại hiệu quả cao. Các nội dung: “*Tránh hiện tượng trẻ khuyết tật bị bỏ rơi trong lớp*”; “*Giúp cho trẻ khuyết tật có cơ hội và tạo điều kiện được đánh giá như trẻ em bình thường*” với ĐTB là 3,37 được xếp hạng 2, cho thấy tầm quan trọng của việc thực hiện nghiêm túc công tác quản lý mục tiêu giáo dục hòa nhập theo đúng tôn chỉ mục tiêu giáo dục “*Bất cứ ai cũng có quyền được học tập*”. Việc trẻ được tham gia tất cả các hoạt động vui chơi, học tập ở trường phù hợp với thực tế lớp học lại đánh giá ở hạng 3 với ĐTB là 3,10 cũng ở mức thường xuyên - khá. Như vậy, quản lý mục tiêu hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật của các trường mầm non hiện đang duy trì ở mức độ thường xuyên, nhưng so với các tiêu chí đề ra, hiệu quả chưa thật tốt.

3.2. Quản lý nội dung giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non

Bảng 2. *Thực trạng quản lý nội dung giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường MN*

STT	Quản lý nội dung GDHN	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Quản lý việc chẩn đoán sớm trẻ khuyết tật	2.93	0,45	6	2.61	0,56	6
2	Quản lý hoạt động can thiệp sớm để hỗ trợ những kỹ năng còn hạn chế của trẻ được phát triển thuận lợi	3.13	0,45	5	3.37	0,55	4
3	Quản lý việc tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động của lớp	3.51	0,50	1	3.61	0,46	1
4	Quản lý việc tổ chức các hoạt động rèn luyện cho cá nhân trẻ khuyết tật	3.46	0,50	2	3.44	0,48	3
5	Quản lý việc hướng dẫn phụ huynh tập luyện cho trẻ khuyết tật	3.39	0,50	3	3.54	0,56	2
6	Quản lý việc phối hợp với các đội ngũ chuyên gia để có phương pháp giáo dục phù hợp cho từng trẻ	3.20	0,50	4	3.07	0,56	5

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: độ lệch chuẩn; XH: xếp hạng

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, CBQL và GV đánh giá các tiêu chí “*Quản lý việc tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động của lớp*” có ĐTB là 3,51 đạt ở mức độ thực hiện khá tốt (xếp hạng 1). Từ kết quả trên cho thấy phần lớn CBQL và GV chú trọng thực hiện tốt theo mục tiêu cốt lõi của GDHN đó là coi trẻ khuyết tật là chủ thể hoạt động tích cực, tạo cơ hội tốt nhất cho trẻ được bình đẳng như trẻ khác, cho nên cần quản lý tốt nội dung trên là điều đương nhiên. Nội dung “*Quản lý việc tổ chức được các hoạt động rèn luyện cho cá nhân trẻ khuyết tật*” có ĐTB là 3,46 cũng được CBQL và GV quan tâm thực hiện. Đây là hoạt động đem lại hiệu quả trong công tác GDHN tại trường mầm non. Các nội dung 2, 5, 6 được đánh giá ở mức khá, thực hiện thường xuyên với ĐTB từ 3,13 đến 3,39, Ở nội dung “*Quản lý việc chẩn đoán sớm trẻ khuyết tật*” chỉ được đánh giá ở mức trung bình.

3.3. Quản lý việc xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở các trường mầm non

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, nội dung “*Xác định mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật*

theo thời gian hàng năm, hàng quý, hàng tháng, tuần” với ĐTB cả hai mức độ là 3,35 - 3,37, đạt mức cao nhất trong nội dung khảo sát. Điều này cho thấy việc xây dựng mục tiêu hoạt động GDHN trẻ khuyết tật phù hợp với thực tế và mang lại hiệu quả cao. Những nội dung còn lại chỉ nằm trong mức ĐTB từ 3,15 - 3,31, thực hiện thường xuyên tương ứng với hiệu quả khá. Các nội dung “Xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm, hàng tháng đối với hoạt động GDHN trẻ khuyết tật”; “Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập cá nhân cho từng trẻ khuyết tật”; “Thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch GDHN trẻ khuyết tật cho phù hợp với thực tế” có ĐTB là 3,27 được xếp hạng 2, cho thấy tầm quan trọng của việc xây dựng kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với đặc điểm tình hình trẻ, điều kiện địa phương. Việc Phân công các nguồn lực tham gia vào hoạt động GDHN trẻ khuyết tật cho phù hợp với thực tế và chọn lọc, xây dựng nội dung GDHN trẻ khuyết tật theo độ tuổi được xếp hạng 4, có ĐTB là 3,14 cũng ở mức thường xuyên - khá.

Bảng 3. Thực trạng quản lý xây dựng kế hoạch HĐ GDHN trẻ khuyết tật ở trường MN

STT	Quản lý xây dựng kế hoạch hoạt động GD hòa nhập	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Xác định mục tiêu GDHN trẻ khuyết tật theo thời gian hàng năm, hàng quý, hàng tháng, tuần	3,37	0,42	1	3,35	0,47	1
2	Xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm, hàng tháng đối với hoạt động GDHN trẻ khuyết tật	3,27	0,41	2	3,25	0,55	5
3	Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập cá nhân cho từng trẻ khuyết tật	3,27	0,41	2	3,31	0,46	2
4	Chọn lọc, xây dựng nội dung GDHN trẻ khuyết tật theo độ tuổi	3,15	0,59	4	3,23	0,65	5
5	Lựa chọn hình thức, phương pháp GDHN trẻ khuyết tật phù hợp với thực tế	3,19	0,47	3	3,23	0,55	5
6	Phân công các nguồn lực tham gia vào hoạt động GDHN trẻ khuyết tật	3,15	0,59	4	3,26	0,43	4
7	Thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch GDHN trẻ khuyết tật cho phù hợp với thực tế	3,15	0,52	4	3,27	0,62	3

ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC độ lệch chuẩn; XH xếp hạng

3.4. Quản lý tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non

Dữ liệu ở bảng 4 cho thấy, đa số CBQL và GV đánh giá cao công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động GDHN trẻ khuyết tật, ĐTB của các tiêu chí đều ở mức độ khá cao. Nhìn chung, các nội dung về công tác này thực hiện ở mức thường xuyên và kết quả thực hiện khá, không có nội dung nào được đánh giá thực hiện rất thường xuyên và kết quả tốt. Các nội dung “Triển khai kế

hoạch giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tới GV, NV và lực lượng liên quan” và “Công khai quy trình tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cho giáo viên” được đánh giá mức độ thực hiện và kết quả thực hiện khá tốt, được xếp hạng 1 và 2. Nội dung 12 “Công tác tuyên truyền đến cha mẹ trẻ” xếp hạng 2 mức độ thực hiện và hạng 2 kết quả thực hiện. Nhóm các nội dung 8,9,4,7 có ĐTB từ 3,27 đến 3,32, điều đó cho thấy tầm quan trọng trong việc Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV, nhân viên. Các nội dung có ĐTB thấp hơn các nội dung khác là: “Có hệ thống các văn bản hướng dẫn cho GV về hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật”; “Theo dõi, giám sát, đôn đốc GV, NV nuôi dưỡng trong hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.”; “Nhân rộng các gương điển hình trong hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tốt”; “Công tác phối hợp với cơ quan, ban ngành có liên quan.”; “Tổ chức hội thi “Giáo viên giáo dục hòa nhập giỏi” các cấp”. Thực tế cho thấy, tuy công tác này được thực hiện thường xuyên nhưng kết quả chỉ đạt ở mức khá. Do vậy, cần có những biện pháp tổ chức thực hiện để hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

Bảng 4. Thực trạng quản lý tổ chức, chỉ đạo thực hiện HĐ GDHN trẻ khuyết tật ở trường mầm non

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Triển khai kế hoạch GDHN trẻ khuyết tật tới GV, NV và lực lượng liên quan.	3,43	0,48	1	3,38	0,46	1
2	Có hệ thống các văn bản hướng dẫn cho GV về hoạt động GDHN trẻ khuyết tật	3,23	0,41	5	3,20	0,52	6
3	Công khai quy trình tổ chức hoạt động GDHN trẻ khuyết tật cho giáo viên	3,37	0,55	2	3,32	0,52	2
4	Thành lập ban chỉ đạo công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường học	3,27	0,57	4	3,27	0,55	3
5	Theo dõi, giám sát, đôn đốc GV, NV nuôi dưỡng trong hoạt động GDHN trẻ khuyết tật	3,23	0,41	5	3,09	0,55	9
6	Nhân rộng gương điển hình trong hoạt động GDHN trẻ khuyết tật tốt	3,17	0,61	6	3,22	0,54	5
7	Tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn trong việc tổ chức hoạt động GDHN trẻ khuyết tật cho giáo viên	3,27	0,57	4	3,24	0,50	4
8	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ CMNV cho đội ngũ GV, nhân viên	3,32	0,53	3	3,12	0,50	8
9	Học hỏi kinh nghiệm qua tham quan học tập tại các trường điểm.	3,32	0,52	3	3,27	0,50	3
10	Tổ chức hội thi “Giáo viên GDHN giỏi” các cấp	3,12	0,44	8	3,27	0,43	3
11	Công tác phối hợp với cơ quan, ban ngành có liên quan.	3,16	0,46	7	3,18	0,51	7
12	Công tác tuyên truyền đến cha mẹ trẻ	3,37	0,55	2	3,32	0,52	2

ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC độ lệch chuẩn; XH xếp hạng

3.5. Quản lý tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non

Bảng 5. *Thực trạng quản lý tổ chức thực hiện HD GHHN trẻ khuyết tật ở trường mầm non*

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Có quyết định thành lập ban chỉ đạo công tác kiểm tra giám sát hoạt động GDHN trẻ khuyết tật	3,43	0,48	1	3,32	0,46	1
2	Xây dựng bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động GDHN trẻ khuyết tật	3,23	0,41	5	3,20	0,50	4
3	Tiến hành kiểm tra, giám sát định kỳ theo kế hoạch hoạt động GDHN trẻ khuyết tật của giáo viên	3,37	0,55	2	3,27	0,52	2
4	Kiểm tra đột xuất bộ phận liên quan đến hoạt động GDHN trẻ khuyết tật	3,27	0,57	4	3,23	0,54	3
5	Trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động GDHN trẻ khuyết tật phối hợp với các lực lượng liên quan.	3,32	0,53	3	3,17	0,55	5
6	Có đánh giá rút kinh nghiệm về chất lượng GDHN trẻ khuyết tật sau kiểm tra, giám sát	3,27	0,46	4	3,14	0,57	7
7	Có biện pháp xử lý các trường hợp không đạt yêu cầu khi thực hiện hoạt động GDHN trẻ khuyết tật	2,56	0,61	6	3,12	0,54	6

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: độ lệch chuẩn; XH: xếp hạng

Kết quả ở bảng 5 cho thấy, công tác quản lý của hiệu trưởng về phần nào phù hợp với mục tiêu đề ra. Nhìn chung, không có nội dung nào được đánh giá thực hiện rất thường xuyên và kết quả tốt, các nội dung về công tác này thực hiện ở mức thường xuyên và kết quả thực hiện khá. Xếp hạng 1 là nội dung “*Có quyết định thành lập ban chỉ đạo công tác kiểm tra giám sát hoạt động GDHN trẻ khuyết tật*” ở mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện đều có ĐTB là 3,34. Điều này cho thấy trong công tác quản lý của hiệu trưởng đã tiến hành đúng, việc ra quyết định đã thực hiện thường xuyên, phân công đúng đội ngũ để thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Các nội dung 2, 3, 4, 5, 6 có ĐTB từ 3,27 đến 3,23, điều này cho thấy, người hiệu trưởng đã có sự lãnh đạo và hướng dẫn các tổ chức, bộ phận, các thành viên triển khai các nhiệm vụ được giao nhằm đạt kết quả cao nhất. Nội dung “*Có biện pháp xử lý các trường hợp không đạt yêu cầu khi thực hiện hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật*” xếp vị trí thứ 6 trong bảng xếp hạng, qua phỏng vấn một số cán bộ quản lý và giáo viên việc bố trí, sắp xếp cán bộ giáo viên đầu năm học được thực hiện rất chu đáo, phân công phù hợp với trình độ, năng lực cũng như đặc điểm của từng giáo viên, đặc biệt đối với giáo viên phụ trách lớp hòa nhập.

3.5. Quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non

Dữ liệu ở bảng 6 cho thấy, nội dung 3 và 5 “*Kiểm tra kế hoạch giảng dạy và hồ sơ sổ sách*” và

“Kiểm tra qua dự giờ, thăm lớp” cùng xếp hạng 1, với ĐTB từ 3,35 đến 3,36. Nhìn chung, các trường đã xác định được nội dung, hình thức, phương pháp đánh giá với các tiêu chí cụ thể, đồng thời gắn liền với kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoạt động. Công tác kiểm tra hoạt động giáo dục hòa nhập được các trường tổ chức theo kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học cùng với hoạt động kiểm tra chuyên môn. Tuy vậy, nhóm tiêu chí này dù được xếp hạng cao nhưng vẫn chỉ đạt mức khá nên vẫn cần có những biện pháp cụ thể qui định từng tiêu chí gắn liền với hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật để các nội dung trên đạt mức đánh giá cao hơn. Đối với giáo dục hòa nhập cần quan tâm nhiều hơn đến “Kiểm tra kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật” thì lại dừng lại ở vị trí xếp hạng thứ 3 với ĐTB là 3,21. Công tác kiểm tra nội bộ vẫn diễn ra thường xuyên, dần phát huy hiệu trong việc nâng cao hiệu quả chất lượng của từng trường. Nhóm các tiêu chí 4, 6, 7, 8 có ĐTB từ 3,09 đến 3,18 tuy vẫn được đánh giá thực hiện thường xuyên nhưng điểm trung bình thấp hơn nhóm trên, đạt mức khá. Tiêu chí “Tập huấn chuyên môn về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật” với ĐTB là 3,18, còn các chỉ tiêu còn lại chỉ đạt 3,09; 3,13. Đây là những nội dung thiết thực gắn liền với hoạt động kiểm tra, đánh giá nhưng kết quả thực hiện chưa cao dù được thực hiện thường xuyên.

Bảng 6. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá HĐ GDHN trẻ khuyết tật ở trường MN

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Kiểm tra kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật	3,21	0,52	3	3,31	0,46	2
2	Kiểm tra kết quả học tập của trẻ khuyết tật	3,27	0,41	2	3,25	0,55	4
3	Kiểm tra kế hoạch giảng dạy và hồ sơ sổ sách	3,27	0,41	2	3,35	0,47	1
4	Kiểm tra qua sinh hoạt chuyên môn	3,18	0,59	4	3,23	0,65	5
6	Kiểm tra qua dự giờ, thăm lớp	3,36	0,47	1	3,23	0,55	5
7	Tập huấn chuyên môn về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật	3,18	0,59	4	3,26	0,43	3
8	Thông qua thao giảng, hội thi, hội giảng.	3,13	0,65	5	3,17	0,62	6
9	Qua mức độ hiệu quả, khả năng áp dụng của các việc làm mới, sáng kiến kinh nghiệm	3,09	0,43	6	3,11	0,57	7

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: độ lệch chuẩn; XH: xếp hạng

3.6. Thực trạng quản lý sự phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng khác trong hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non

Số liệu ở bảng 7 cho thấy, “Tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật” là nội dung được xếp hạng 1 mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện. Như đã trình bày ở các nội dung nêu trên thì hầu hết cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện giáo dục hòa nhập ở các trường mầm non trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hầu hết đều không được đào tạo chính thức về chuyên ngành giáo dục đặc biệt và giáo dục hòa nhập, trẻ khuyết tật. Vì vậy, để giáo viên có thể dạy cho trẻ khuyết tật ở các dạng tật khác nhau thì việc tập huấn cũng như trau dồi chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ về các nội dung, phương pháp, cách thức hỗ trợ trẻ khuyết tật phải được thực hiện

thường xuyên. “Kêu gọi phụ huynh đưa trẻ khuyết tật đến trường” cũng được các nhà trường chú trọng. Đây là nỗ lực nhằm đưa trẻ khuyết tật đến trường tham gia học tập tại nhà trường giống như trẻ bình thường khác. Tuy nhiên, nội dung 2, 10: “*Phối hợp với các ban ngành để triển khai*” và “*Phối hợp với các đội ngũ chuyên gia giáo dục hòa nhập, can thiệp sớm, chuyển giao trị liệu... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ khuyết tật*” còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế nhất trong quá trình thực hiện giáo dục hòa nhập trên địa bàn các trường mầm non tỉnh Quảng Trị. Bên cạnh đó, nội dung: “*Phối hợp các ban ngành để điều tra nhóm trẻ khuyết tật trên địa bàn*” và “*Phối hợp, tổ chức khám sàng lọc, phân loại trẻ khuyết tật*” vẫn chưa được chú trọng. Điều này sẽ khó khăn cho giáo viên khi lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp cũng như quản lý tiết dạy cá nhân cho trẻ bởi nếu trẻ chưa được xác định chính xác dạng tật, mức độ khuyết tật thì khó khăn trong việc đưa ra các quyết định hỗ trợ phù hợp cho trẻ.

Bảng 7. Sự phối hợp với các lực lượng trong quản lý giáo dục hòa nhập ở trường mầm non

TT	Nội dung quản lý sự phối hợp các lực lượng trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật của hiệu trưởng	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Thành lập ban điều hành chương trình GDHN	3,31	0,46	4	3,27	0,71	3
2	Phối kết hợp với các ban ngành để triển khai	3,20	0,40	7	2,61	0,69	9
3	Có văn bản cụ thể, phân công cán bộ thực hiện	3,35	0,55	3	3,20	0,46	4
4	Có Chương trình phối hợp hoạt động một cách cụ thể	3,35	0,55	3	2,92	1,06	7
5	Tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo về GDHN trẻ khuyết tật	3,55	0,50	1	3,47	0,48	1
6	Kêu gọi phụ huynh đưa trẻ khuyết tật đến trường	3,50	0,50	2	3,41	0,56	2
7	Phối hợp với các ban ngành để điều tra nhóm trẻ khuyết tật trên địa bàn	3,22	0,52	6	2,68	1,11	8
8	Phối hợp tổ chức khám sàng lọc và phân loại trẻ khuyết tật	3,27	0,52	5	3,17	0,72	5
9	Tư vấn, khám và chữa bệnh để phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật	3,31	0,46	4	3,01	1,02	6
10	Phối hợp với các đội ngũ chuyên gia, can thiệp sớm, trị liệu... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ khuyết tật	2,98	0,50	8	2,69	0,52	10

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: độ lệch chuẩn; XH: xếp hạng[ơ

3.6. Quản lý điều kiện, cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non

Dữ liệu ở bảng 8 cho thấy các nội dung từ 1 đến 5 có ĐTB trong khoảng 3,00 - 3,30. Như vậy, những điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ được thường xuyên thực hiện và kết quả khá. Nội dung 8: “*Có đủ tài liệu và đồ dùng học tập về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật để cán*

bộ, giáo viên tham khảo” được xếp hạng 1, có ĐTB là 3,30, được đánh giá cao nhất trong các nội dung. Trong những năm học gần đây, việc bổ sung tài liệu đồ dùng, đồ chơi cho công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục ở trường mầm non được các cơ sở giáo dục coi trọng. Nội dung 4: “Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật” được xếp vị trí thứ 2 với ĐTB là 3,26. Tuy nhiên, nội dung “Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng giáo viên” được thực hiện còn hạn chế. Thực tế, các giáo viên dạy hòa nhập cũng được hưởng các chế độ lương, phụ cấp được hưởng như giáo viên dạy trẻ bình thường. Nội dung “Công tác bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị dạy học” mức đánh giá thấp với ĐTB là 3,04. Như vậy, nội dung này chưa được thực hiện thường xuyên và quan tâm đúng mức.

Bảng 8. Thực trạng quản lý điều kiện, cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ, an toàn, chất lượng, đúng chuẩn.	3,26	0,36	2	3,11	0,57	3
2	Hoạt động giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ở các trường MN đã được đầu tư về cơ sở vật chất và nguồn ngân sách phù hợp	3,07	0,56	4	3,09	0,51	5
3	Công tác bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị dạy học	3,04	0,51	5	3,11	0,57	3
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động GDHN trẻ khuyết tật	3,26	0,36	2	3,09	0,51	5
5	Huy động đầu tư kinh phí từ các nguồn tài trợ, nhà hảo tâm	3,10	0,57	3	3,07	0,56	4
6	Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng GV	3,00	0,52	6	3,26	0,50	1
7	Mua thêm đồ chơi, đồ dùng phục vụ phục hồi chức năng cho trẻ	2,87	0,57	7	2,93	0,56	6
8	Có đủ tài liệu và đồ dùng học tập về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật để cán bộ, giáo viên tham khảo	3,30	0,41	1	3,18	0,60	2

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; DLC: độ lệch chuẩn; XH: xếp hạng

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP

Quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại trường mầm non là một bộ phận của quản lý nhà trường nói chung. Vì vậy, quản lý giáo dục hòa nhập cũng có chức năng, nhiệm vụ như quản lý giáo dục, nhưng tập trung chủ yếu vào hoạt động giáo dục cụ thể là giáo dục trẻ khuyết tật. Quản lý giáo dục hòa nhập chính là sự tác động có kế hoạch, có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý dựa theo những yêu cầu có tính chất khách quan về lí luận và thực tiễn giáo dục hoà nhập nhằm đảm bảo cho việc thực hiện giáo dục hòa nhập tại trường đạt hiệu quả. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu trưởng chưa có kinh nghiệm nhiều về quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; Số lượng giáo viên dạy trẻ khuyết tật chưa qua đào tạo về phương pháp giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật vẫn còn nhiều, một số giáo viên được đào tạo nhưng chưa chuyên sâu nên việc giảng dạy còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình

thực hiện; Đồ dùng dạy học, dụng cụ trực quan và các thiết bị hỗ trợ cho giáo viên trong việc áp dụng giảng dạy giáo dục hòa nhập còn thiếu và chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy; Thiếu sự phối hợp mạnh mẽ giữa gia đình – nhà trường và xã hội nhằm mang lại kết quả tốt nhất cho giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Chưa có sự phối hợp giữa các cơ quan ban ngành liên quan trong thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Nguyên nhân của thực trạng trên là giáo viên trên địa bàn thường luân chuyển và chưa có sự phân công rõ về những giáo viên thực hiện giáo dục hòa nhập mà liên tục thay đổi qua từng năm mà không theo suốt quá trình học tập của trẻ, điều này dẫn đến khó khăn trong quản lý và bồi dưỡng đội ngũ thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; Kế hoạch cá nhân và quản lý kế hoạch cá nhân cho trẻ là một trong những yếu tố quyết định cho sự thành công của công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật nhưng lại chưa được quan tâm đúng mức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật bậc mầm non*, NXB Lao động xã hội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Quy định về giáo dục hòa nhập cho người tàn tật, khuyết tật*, Quyết định số 23/BGD&ĐT/2006).
3. Quốc Hội (2010). *Luật người khuyết tật*, NXB Tư Pháp.

Title: MANAGEMENT OF INTEGRATED EDUCATION ACTIVITIES FOR CHILDREN WITH DISABILITIES IN PRESCHOOLS IN QUANG TRI PROVINCE

Abstract: Children with disabilities need special care and have all rights like any other children. They also need to have a healthy environment and full access to inclusive education. For effective inclusive education for children with disabilities, this study investigates the current practice of managing inclusive education for children with disabilities in different preschools of Quang Tri province. The research has shown that apart from positive results in implementing this program, these kindergartens' activities still have certain shortcomings regarding the educational content, planning, and assessment management.

Keywords: Management; children with disabilities; inclusive education.